TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆTNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 269/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2018
V/v: Tranh chấp, xin ly hôn
giữa anh N với chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Nguyễn Văn Cư
  2. Bà Võ Thị Lan

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Thắm- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên toà:*** Không tham gia.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã tân Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp, ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/ 2018/ QĐXXST- HNGĐ ngày 10/7/2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 24, ấp Long Hiệp, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(có mặt);

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Tổ 7, khóm Long An B, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt ngày 16/7/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Lê Hoàng N đề ngày 15/5/2018 và bản tự khai của chị Nguyễn Ngọc T ngày 11/6/2018, thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh Lê Hoàng N với chị Nguyễn Ngọc T được người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị tổ chức lễ cưới vào ngày 19/10/2017 AL, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau anh chị sống đến tháng 01/2018 thì không còn sống chung cho đến nay. Nguyên nhân là do hai người không hợp

nhau, không hiểu gì nhau cả, thường xảy ra sung đột. Nay anh N cho rằng vợ chồng không có tình cảm, sống không có hạnh phúc vì vậy anh N xin được ly hôn với chị T. Chị T cho rằng sau khi cưới nhau chị với anh N không có sống chung, tình cảm không có do đó chị T đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Giữa anh Lê Hoàng N với chị Nguyễn Ngọc T thống nhất hai người chưa có con chung.

- Về tài sản chung: Giữa anh Lê Hoàng N với chị Nguyễn Ngọc T thống nhất hai người có tài sản cho trong ngày cưới chị T đang quản lý gồm: Một đôi bông hột Soàn trị giá 19.000.000 đ; dây truyền, dây tay, nhẫn và hai miếng vàng lá tổng trọng lượng là 4,2 lượng vàng 24k, tổng cộng tài sản trị giá 149.000.000đ, nay anh chị tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án gải quyết (Anh N xin rút lại phần yêu cầu chia tài sản như trong đơn khởi kiện anh có yêu cầu).

- Về Nợ chung: Giữa anh Lê Hoàng N với chị Nguyễn Ngọc T thống nhất hai người không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1]Vê áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi của anh Lê Hoàng N đề ngày 15/5/2018 xin ly hôn với chị Nguyễn Ngọc T vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc T có đơn xin vắng mặt đề ngày 16/7/2018 là hợp lệ, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điề 228 Bộ luậ tố tụng dân.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Anh Lê Hoàng N với chị Nguyễn Ngọc T được người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị tổ chức lễ cưới vào ngày 19/10/2017 AL, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau anh chị sống đến tháng 01/2018 thì không còn sống chung cho đến nay. Nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, không hiểu gì nhau cả, thường xảy ra sung đột. Nay anh N cho rằng vợ chồng không có tình cảm, sống không có hạnh phúc vì vậy anh N xin được ly hôn với chị T. Chị T cho rằng sau khi cưới nhau chị với anh N không có sống chung, tình cảm không có do đó chị T đồng ý ly hôn với anh N.

Qua trình bày của anh N và chị T cho thấy, khi anh N với chị T tổ chức lễ cưới thì hai người đã đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng do anh N với chị T không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa anh N và chị T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ

chồng, mặt dù giữa anh N và chị T đã thống nhất thuận tình ly hôn nhau nhưng không được công nhận. Do đó, HĐXX nghĩ nên tuyên bố không công nhận giữa anh N và chị T là vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật .

[4]. Về con chung: Giữa anh N và chị T chưa có con chung, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Giữa anh Lê Hoàng N với chị Nguyễn Ngọc T thống nhất hai người có tài sản cho trong ngày cưới chị Thảo đang quản lý gồm: Một đôi bông hột Soàn trị giá 19.000.000 đ; dây truyền, dây tay, nhẫn và hai miếng vàng lá tổng trọng lượng là 4,2 lượng vàng 24k, tổng cộng tài sản trị giá 149.000.000đ, nay anh chị tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án gải quyết. Anh N xin rút lại phần yêu cầu chia tài sản xét thấy hợp lý. Do đó, HĐXX đình chỉ yêu cầu giải quyết phần tài sản của anh N phù hợp.

[6] Về nợ chung: Giữa anh Lê Hoàng N với chị Nguyễn Ngọc T thống nhất hai người không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đạt ra giải quyêt.

[7]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Hoàng N là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì anh N phải chịu 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng), anh N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang, hoàn lại cho anh Lê Hoàng N 1.862.500 đ(một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa theo biên lai thu số 0004649 ngày 23/5/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận giữa anh Lê Hoàng N với chị Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của anh Lê Hoàng N mà trước đây anh N yêu cầu chia do chị T đang quản lý gồm: Một đôi bông hột Soàn trị giá 19.000.000 đ; dây truyền, dây tay, nhẫn và hai miếng vàng lá tổng trọng lượng là 4,2 lượng vàng 24k, tổng cộng tài sản trị giá 149.000.000đ;

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Hoàng N phải chịu 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng), anh N được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang, hoàn lại cho anh Lê Hoàng N 1.862.500 đ(một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa theo biên lai thu số 0004649 ngày 23/5/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh N có quyền kháng cáo. Riêng chị T vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo trong hạn trên kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TA tỉnh An Giang;
-VKSND tỉnh An Giang;
-VKSND thị xa Tân Châu;
-THA thị xã Tân Châu;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh